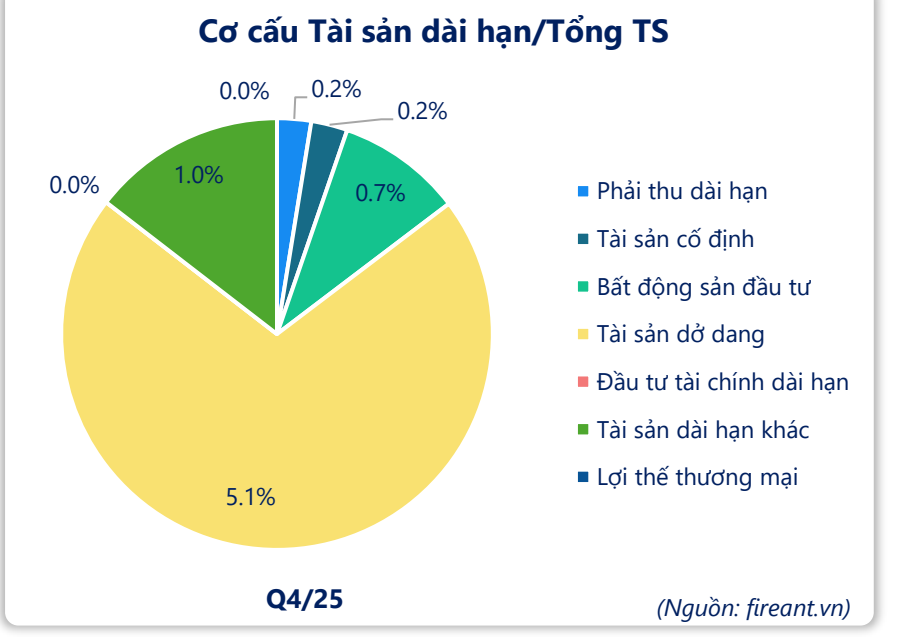
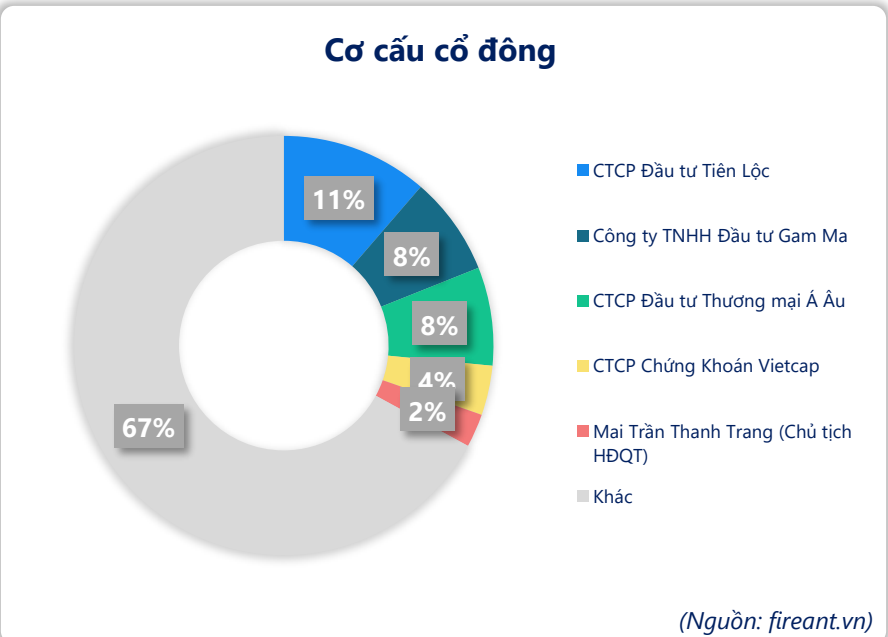
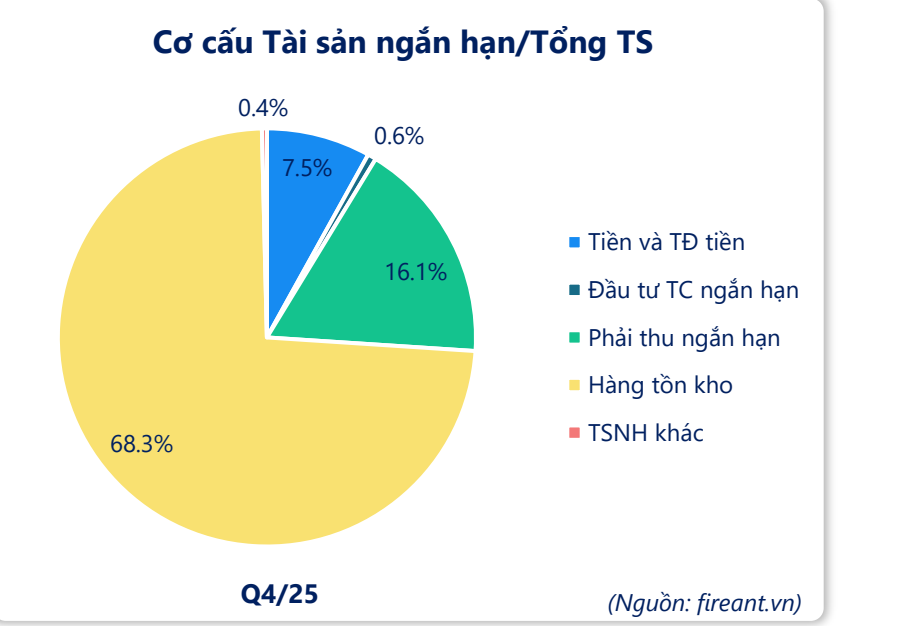
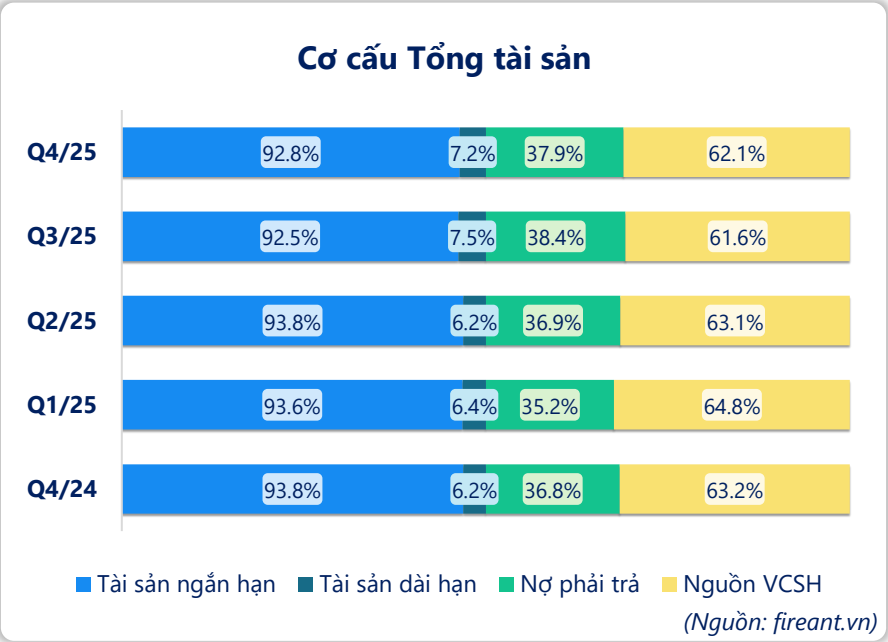
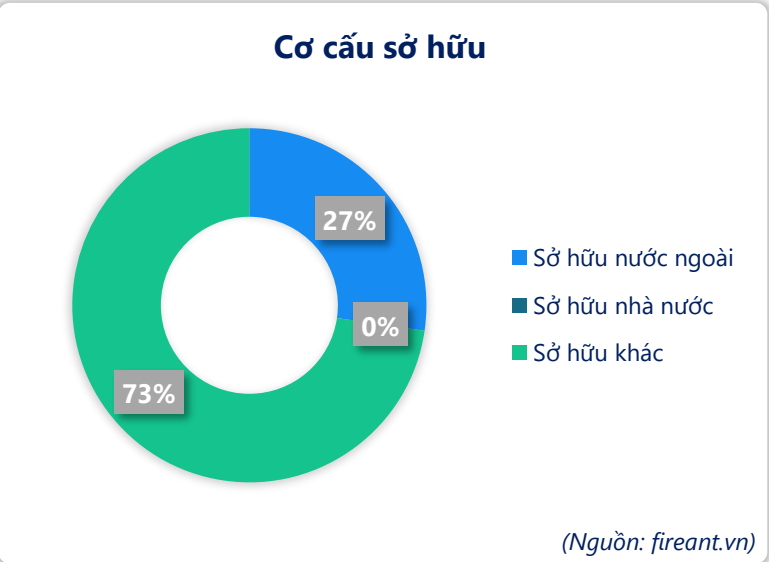
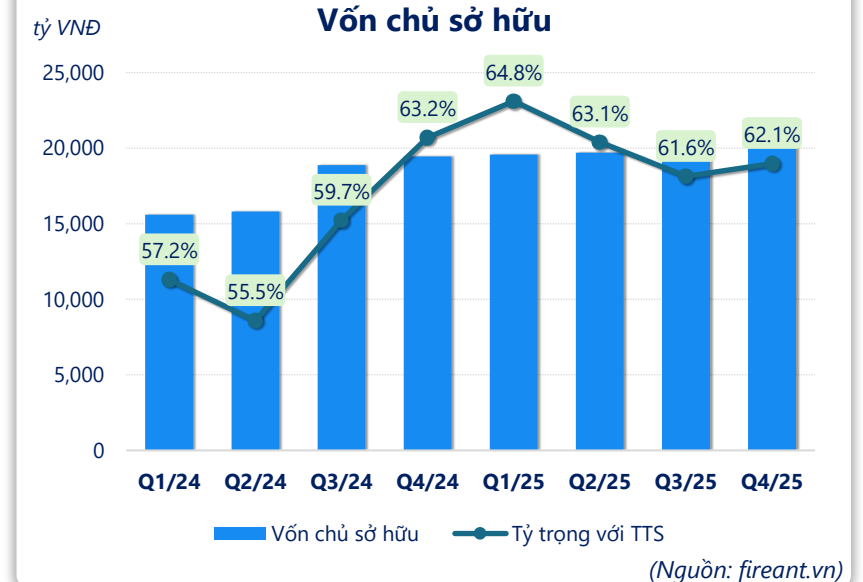
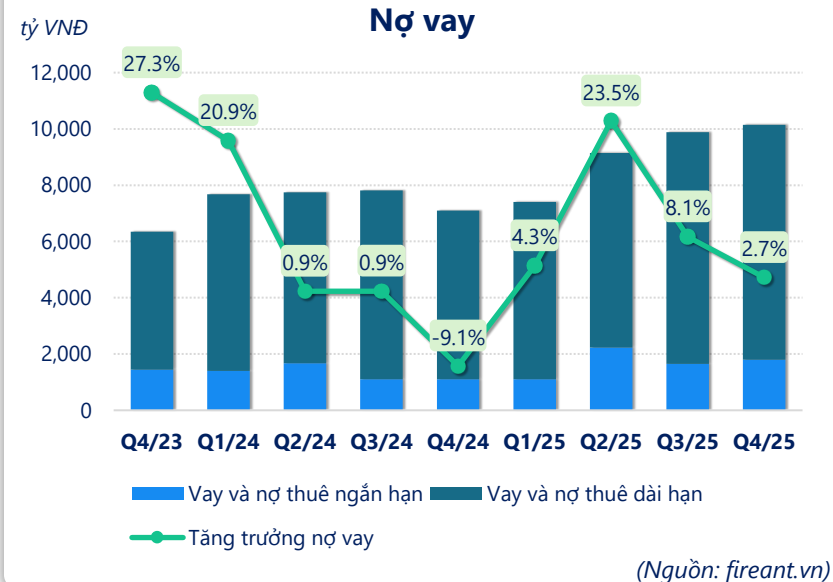
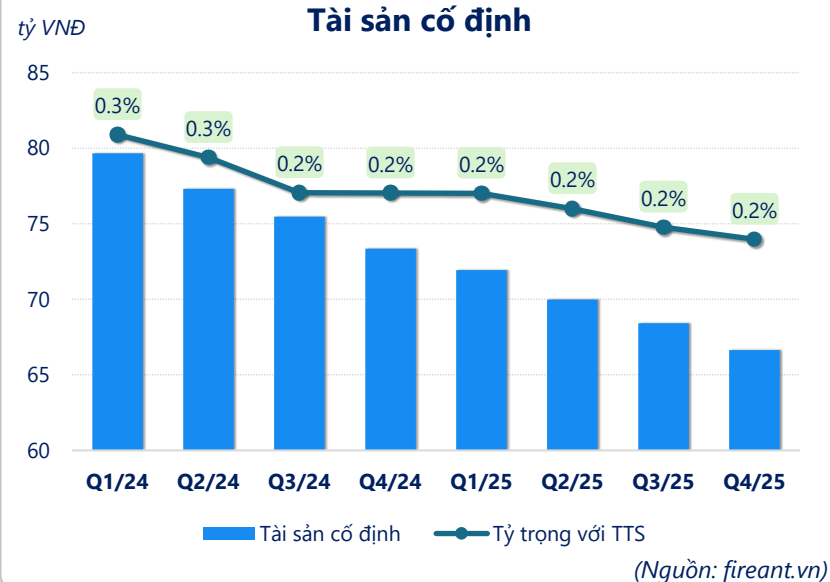
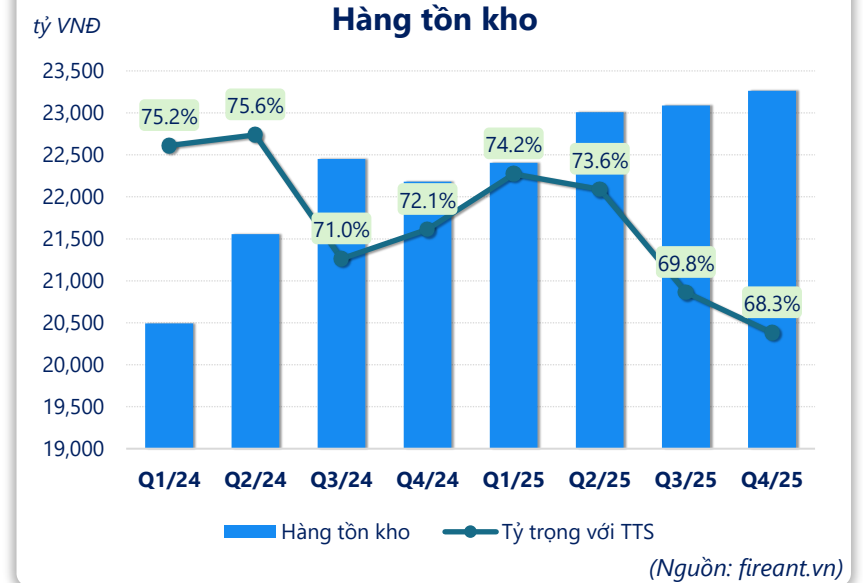
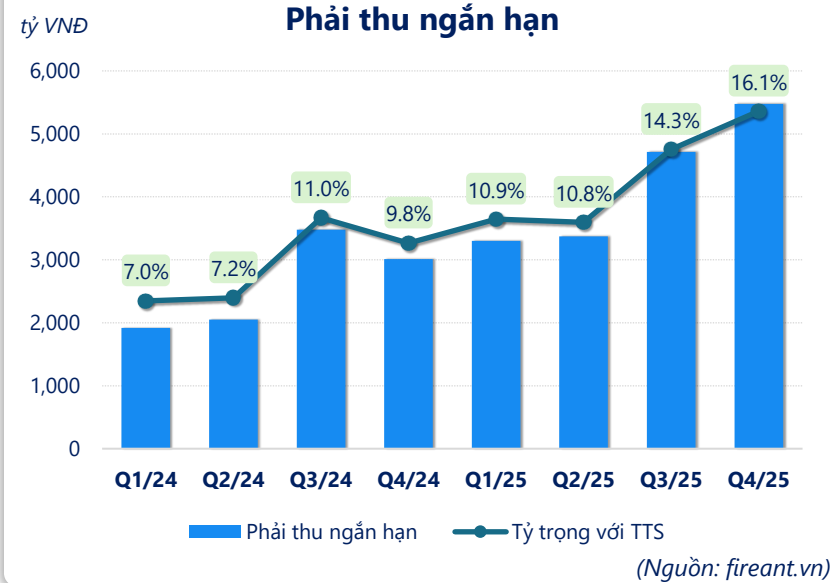
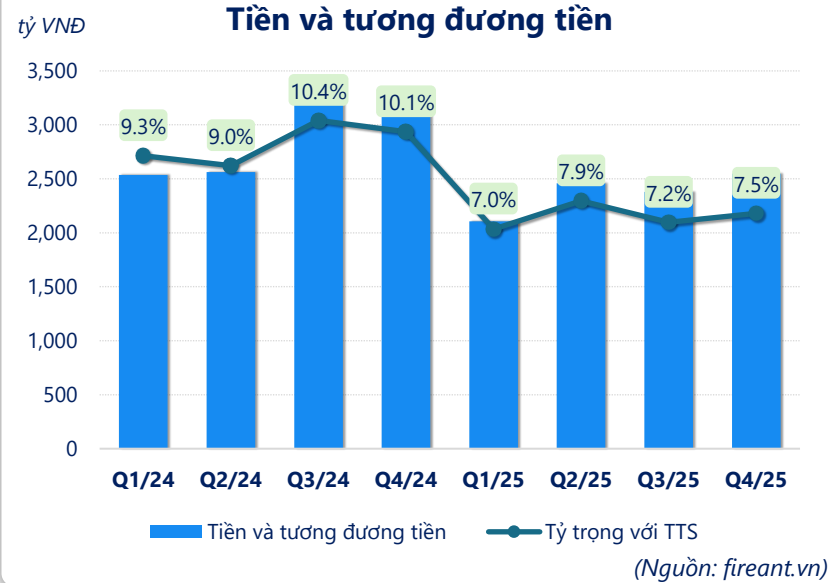
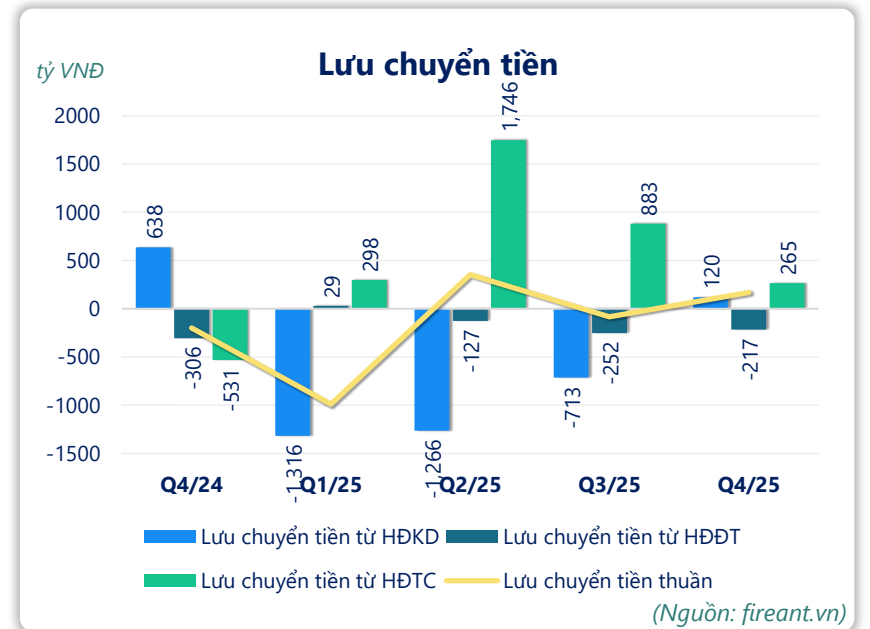
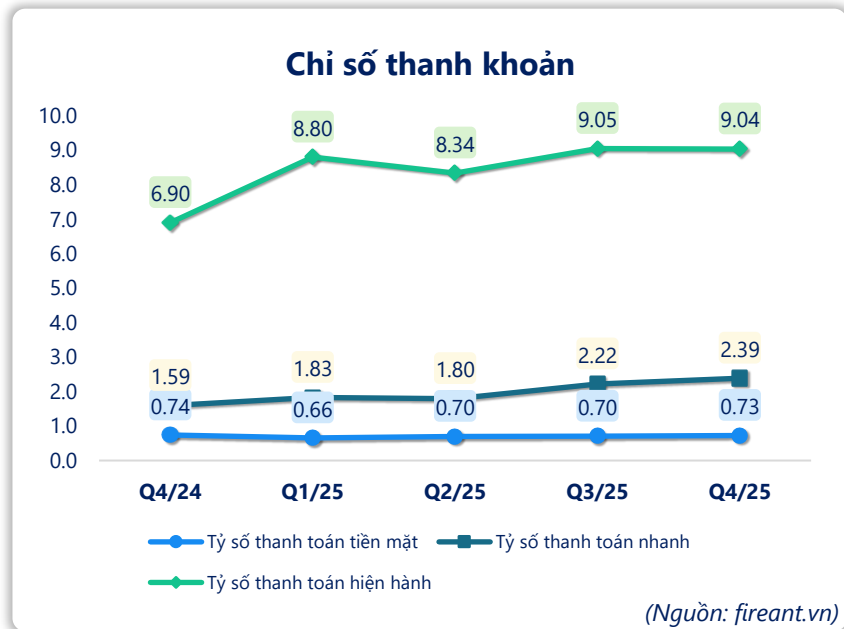
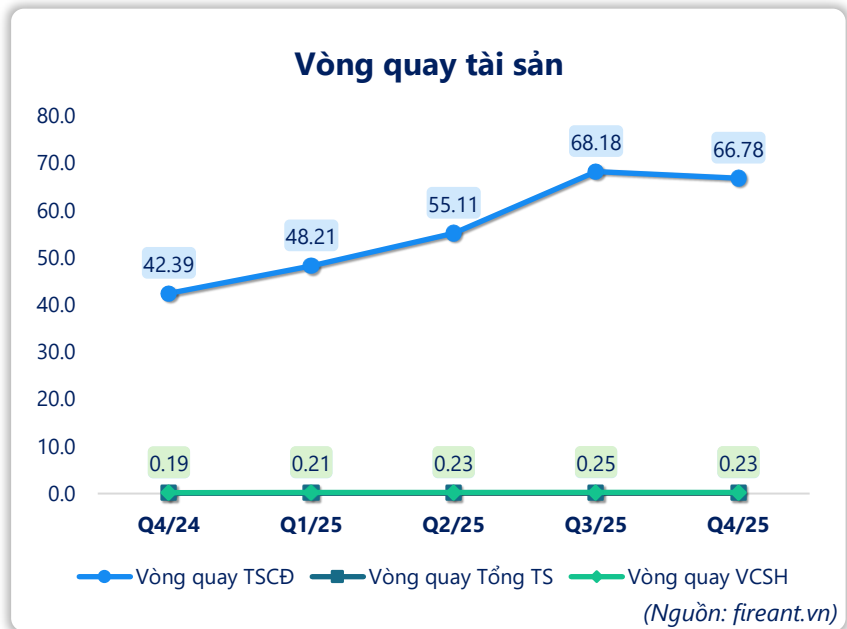
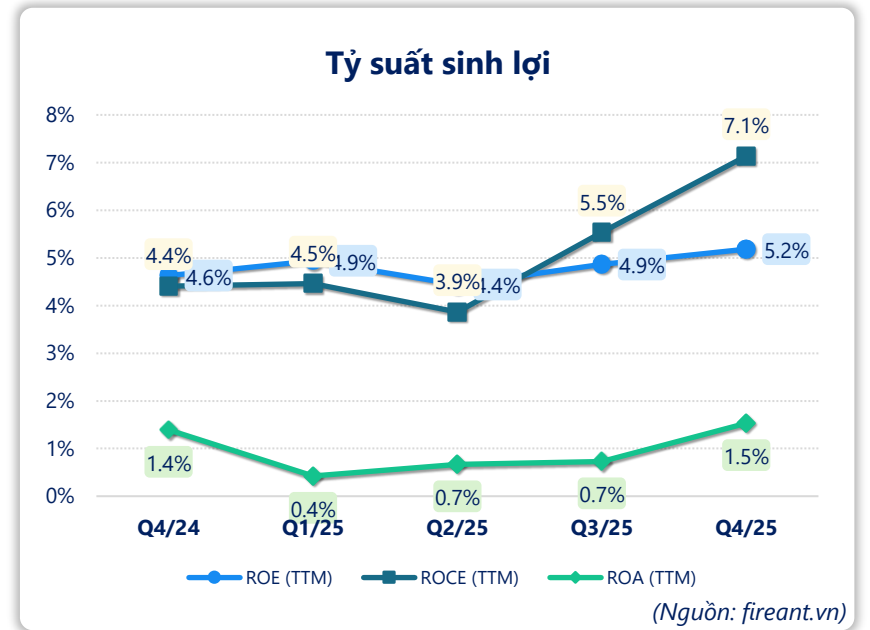
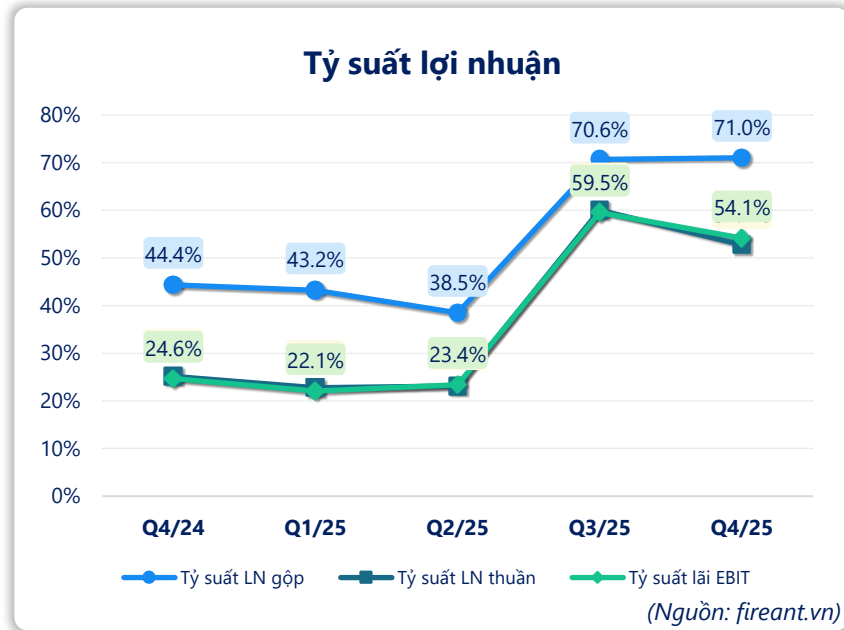
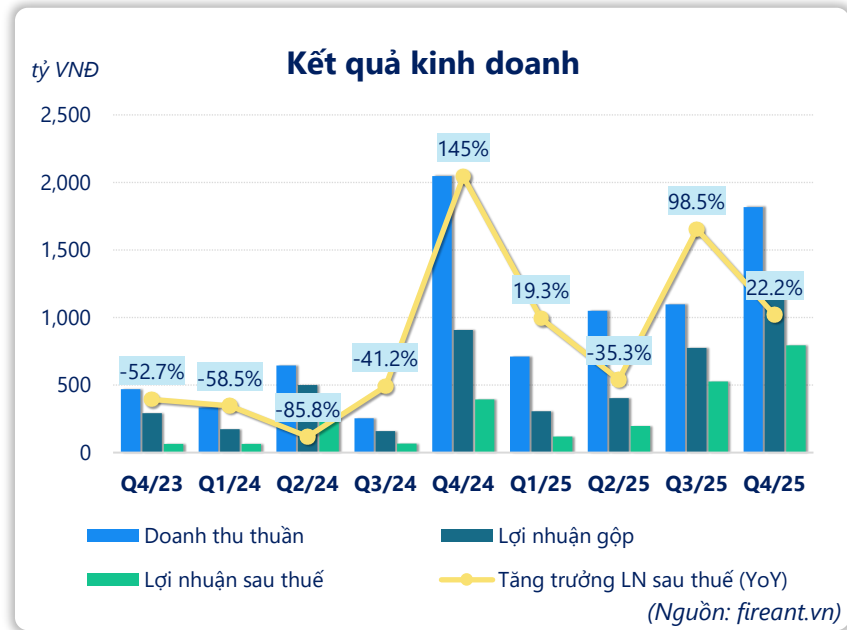


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,045
SL cổ phiếu LH		1,122,214,899
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,998,535
% sở hữu nước ngoài		27.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		35,350
P/E		33.6
EPS		938

	YTD	1T	3T	6T
KDH	-1.4%	-8.6%	-2.3%	14.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	34,064	30,758	10.8%
Tài sản ngắn hạn	31,619	28,844	9.6%
Tiền và tương đương tiền	2,547	3,096	-17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	209	277	-24.6%
Phải thu ngắn hạn	5,478	3,018	81.5%
Hàng tồn kho	23,264	22,178	4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	122	275	-55.7%
Tài sản dài hạn	2,445	1,914	27.7%
Phải thu dài hạn	62.4	69.0	-9.5%
Tài sản cố định	66.6	73.3	-9.1%
Bất động sản đầu tư	230	233	-1.4%
Tài sản dở dang	1,731	1,028	68.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	355	511	-30.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,893	11,304	14.1%
Nợ ngắn hạn	3,499	4,182	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,802	1,100	63.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	288	-60.8%
Nợ dài hạn	9,394	7,122	31.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,348	5,998	39.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	21,171	19,453	8.8%
Vốn chủ sở hữu	21,171	19,453	8.8%
Vốn điều lệ	11,222	10,111	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,048	710	1,049	1,098	1,816
Giá vốn hàng bán	1,139	403	646	323	527
Lợi nhuận gộp	908	307	404	776	1,290
Doanh thu HĐTC	7.38	19.6	4.19	4.92	11.7
Chi phí TC	171	47.8	53.9	2.69	75.4
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	163	62.5	54.9	71.5	212
Chi phí QLDN	67.5	54.4	56.5	47.7	56.3
LN thuần từ HĐKD	515	162	243	659	958
Lợi nhuận khác	-10.0	-4.99	2.80	-5.24	25.6
LN trước thuế	505	157	245	654	983
Lợi nhuận sau thuế	393	119	196	526	793
LNST của CĐ cty mẹ	398	122	199	236	496

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	638	-1,316	-1,266	-713	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-306	29.1	-127	-252	-217
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-531	298	1,746	883	265
Tiền đầu kỳ	3,295	3,096	2,107	2,460	2,378
Lưu chuyển tiền thuần	-200	-989	353	-82.0	168
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3,096	2,107	2,460	2,378	2,547

(Nguồn: fireant.vn)